

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN  
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Báo cáo tài chính đã được soát xét  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 30



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

#### **Hội Đồng Quản Trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Phát Quang	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trịnh Bá Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên
Ông Cao Thanh Định	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trịnh Bá Hoàng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban
Ông Khuất Tùng Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Triều	Thành viên

### **CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG KỲ**

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015.

## **2. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

### PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015.

Thay mặt Hội đồng Quản trị   
  


**NGUYỄN THỊ KIM XUÂN**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 14 tháng 8 năm 2015



Số: 159/2015/DFK-BCKT

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:**

**CÁC CỔ ĐÔNG  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015, từ trang 04 đến trang 30 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2015 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



**HỒ ĐẮC HIẾU**

**Phó Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0458-2013-042-1

Thay mặt và đại diện

**Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam**

Tp. HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2015



**ĐẶNG THỊ THỦY TRANG**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số  
2063-2013-042-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Báo cáo tài chính

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>237.365.591.288</b>	<b>250.814.867.910</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	IV.01	<b>2.590.594.622</b>	<b>336.190.847</b>
1. Tiền	111		2.590.594.622	336.190.847
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>	IV.02	<b>325.237.500</b>	<b>399.577.500</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		531.000.000	531.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(205.762.500)	(131.422.500)
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>		<b>40.024.489.067</b>	<b>58.162.521.010</b>
1. Phải thu khách hàng	131	IV.03	16.926.350.540	36.950.267.317
2. Trả trước cho người bán	132	IV.04	7.977.018.250	7.777.458.250
3. Các khoản phải thu khác	136	IV.05	15.121.120.277	15.128.386.583
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		-	(1.693.591.140)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	IV.06	<b>193.898.463.137</b>	<b>190.551.674.151</b>
1. Hàng tồn kho	141		195.287.978.889	191.941.189.903
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.389.515.752)	(1.389.515.752)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>526.806.962</b>	<b>1.364.904.402</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV.10	-	21.333.333
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		338.604.778	1.190.090.247
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	IV.12	188.202.184	153.480.822
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>127.625.545.449</b>	<b>131.119.458.900</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>31.942.027.798</b>	<b>34.124.904.184</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	IV.07	29.798.508.882	31.838.562.270
- Nguyên giá	222		118.710.727.175	118.710.727.175
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(88.912.218.293)	(86.872.164.905)
2. TSCĐ vô hình	227	IV.08	2.143.518.916	2.286.341.914
- Nguyên giá	228		5.788.007.600	5.788.007.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.644.488.684)	(3.501.665.686)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<b>240</b>		<b>17.497.233.814</b>	<b>18.439.710.007</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	IV.09	17.497.233.814	18.439.710.007
<i>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>	IV.02	<b>66.714.262.337</b>	<b>66.714.262.337</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		65.026.276.051	65.026.276.051
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.634.906.773	4.634.906.773
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.946.920.487)	(2.946.920.487)
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		<b>11.472.021.500</b>	<b>11.840.582.372</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV.10	11.472.021.500	11.840.582.372
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>364.991.136.737</b>	<b>381.934.326.810</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

**Báo cáo tài chính**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU B 01-DN****Đơn vị tính: VNĐ**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015		01/01/2015	
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>184.965.580.379</b>		<b>201.945.244.796</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>145.844.488.037</b>		<b>163.104.152.454</b>	
1. Phải trả cho người bán	311	IV.11	19.453.816.555		29.326.166.515	
2. Người mua trả tiền trước	312		11.494.604		1.628.544	
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	IV.12	25.923.624		52.725.031	
4. Phải trả công nhân viên	314		-		-	
5. Chi phí phải trả	315	IV.13	600.000.000		1.416.750.000	
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	IV.14	2.980.032.002		4.073.961.080	
7. Vay và nợ ngắn hạn	320	IV.15	116.565.904.549		121.747.446.497	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	IV.16	6.207.316.703		6.485.474.787	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>39.121.092.342</b>		<b>38.841.092.342</b>	
1. Phải trả dài hạn khác	337	IV.14	26.755.092.342		26.475.092.342	
2. Vay và nợ dài hạn	338	IV.15	12.366.000.000		12.366.000.000	
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>180.025.556.358</b>		<b>179.989.082.014</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	IV.17	<b>180.025.556.358</b>		<b>179.989.082.014</b>	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.070.000.000		128.070.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.156.097.000		24.156.097.000	
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.554.178.468		16.554.178.468	
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.245.280.890		11.208.806.546	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.208.806.546		6.403.500.000	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		36.474.344		4.805.306.546	
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-		-	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>364.991.136.737</b>		<b>381.934.326.810</b>	


**LẠI TUYẾT THANH**

Người lập

Ngày 14 tháng 8 năm 2015


**LẠI TUYẾT THANH**

Kế toán trưởng

**TRỊNH BÁ HOÀNG**

Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

**Báo cáo tài chính**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**MẪU B 02-DN**

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày	Từ ngày
			01/01/2015 đến 30/6/2015	01/01/2014 đến 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		52.979.691.021	113.486.282.778
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.01	52.979.691.021	113.486.282.778
4. Giá vốn hàng bán	11	V.02	40.081.139.756	91.374.396.020
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.898.551.265	22.111.886.758
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.03	545.807.035	998.563.959
7. Chi phí tài chính	22	V.04	4.668.482.638	5.797.148.448
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.832.569.014	4.066.990.643
8. Chi phí bán hàng	25	V.05	2.402.827.756	4.733.292.264
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.06	6.275.457.520	8.832.630.385
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		97.590.386	3.747.379.620
11. Thu nhập khác	31		12.249.867	202.100
12. Chi phí khác	32		62.725.709	652.807
13. Lỗ khác	40		(50.475.842)	(450.707)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47.114.544	3.746.928.913
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.07	10.640.200	412.162.181
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		36.474.344	3.334.766.732
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.08	3	260

*Lai*

**LẠI TUYẾT THANH**

Người lập

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

*Lai*

**LẠI TUYẾT THANH**

Kế toán trưởng

**TRỊNH BÁ HOÀNG**

Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

**Báo cáo tài chính**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**Mẫu B 03-DN****Đơn vị tính: VND**

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày	
		01/01/2015 đến 30/6/2015	01/01/2014 đến 30/6/2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>47.114.544</b>	<b>3.746.928.913</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.182.876.386	4.290.930.755
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	03	(1.619.251.140)	2.090.577.920
Chi phí lãi vay	05	(10.087.725)	(58.214.937)
06	2.832.569.014	4.066.990.643	
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>3.433.221.079</b>	<b>14.137.213.294</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	20.648.387.190	4.737.828.281
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(3.346.788.986)	(6.255.408.840)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(11.629.374.356)	(8.028.105.692)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	389.894.205	770.428.117
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.250.092.821)	(4.673.264.561)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	98.769.771	(224.652.329)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.360.000.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(278.158.084)	(272.645.279)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7.425.857.998</b>	<b>191.392.991</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.087.725	58.214.937
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>10.087.725</b>	<b>58.214.937</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	100.179.193.907	205.964.754.859
Tiền trả nợ gốc vay	34	(105.360.735.855)	(207.524.848.769)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(5.181.541.948)</b>	<b>(1.560.093.910)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>2.254.403.775</b>	<b>(1.310.485.982)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	336.190.847	1.419.326.762
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>2.590.594.622</b>	<b>108.840.780</b>

**LẠI TUYẾT THANH**

Người lập

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

**LẠI TUYẾT THANH**

Kế toán trưởng

**TRỊNH BÁ HOÀNG**

Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

### I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 18 ngày 13/01/2012 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM (HOSE) với mã chứng khoán là ICF từ ngày 18/12/2007 theo Quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2007 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ đăng ký	868.000.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến 30/6/2015	128.070.000.000 đồng

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ươm cá - tôm giống, chế biến cá, thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai, sản xuất nước đá;
- Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
- Nhà hàng ăn uống, giải khát;
- Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
- Mua bán hàng nông - lâm – thủy – hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;
- Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; đào tạo nghề, môi giới bất động sản;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán);
- Dịch vụ kiểm đếm, xếp dỡ hàng hoá, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan, kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;
- Cho thuê phương tiện vận tải, đại lý vận tải đường biển và đường hàng không, môi giới thương mại, đại lý bán vé máy bay;
- Mua bán xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng xe, thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

#### 4. Tổng số công nhân viên: Tổng số lao động đến ngày 30/6/2015: 177 người.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

### II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### 1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

#### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 3. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư bổ sung số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

#### 4. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:**

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

**Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:**

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### **Dự phòng cho hàng tồn kho**

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### 6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

### 7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

#### *Nhãn hiệu hàng hoá*

Nhãn hiệu hàng được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 20 năm.

#### *Phần mềm kế toán*

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm

### 8. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

### 9. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ đến tháng 9/2049;
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh theo Thông tư 201/2009/BTC được phân bổ vào chi phí tài chính với thời gian là 5 năm;
- Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng hữu ích dao động từ 03 – 05 năm.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

### 10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán đều được ghi nhận theo giá vốn, tức giá mua hợp lý của khoản đầu tư, kể cả các chi phí liên quan đến khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán chưa được niêm yết do chưa xác định được một cách chắc chắn giá trị hợp lý của chúng nên được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

#### Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

#### Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được nắm giữ với mục đích kinh doanh mua, bán trong ngắn hạn. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp. Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0); chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu.

#### Đầu tư tài chính khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo chi phí mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

#### Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng. Các chứng khoán không niêm yết và không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

### 11. Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, tương xứng với doanh thu đã ghi nhận, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 12. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng như sau: Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 18% và 8 % từ lương công nhân viên; Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 3% và 1,5% từ lương công nhân viên và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

#### 13. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### 14. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận dựa trên chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu phát hành ra thị trường.

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Quyết định của Hội đồng Quản trị và được Đại hội cổ đông thông qua.

#### 15. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Chi phí*

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

#### 16. Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

#### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc xác định thuế thu nhập chịu thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Thực hiện dự án đầu tư nhà máy chế biến thủy sản và thực phẩm đông lạnh, Công ty tự xác định được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15%; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo.

Công ty là tổ chức có chứng khoán niêm yết lần đầu tại trung tâm giao dịch chứng khoán, nên được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm kể từ khi thực hiện việc niêm yết. Thời gian hưởng ưu đãi do có chứng khoán được niêm yết được tính kể từ khi kết thúc thời hạn miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Năm tài chính 2015 là năm thứ 11 Công ty có thu nhập chịu thuế.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế

**18. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	199.435.332	48.311.955
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.391.159.290	287.878.892
<b>Cộng</b>	<b>2.590.594.622</b>	<b>336.190.847</b>

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****2.1. Chứng khoán kinh doanh**

	30/6/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Dự phòng VNĐ
Chứng khoán kinh doanh	531.000.000	325.237.500	205.762.500	531.000.000	399.577.500	131.422.500

Khoản đầu tư mua 6.195 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoan và dịch vụ Khoan dầu khí (PVD). Cổ phiếu này đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở theo giá đóng cửa tại ngày 30/6/2015, được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:**

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 01 tháng 01	131.422.500	218.680.000
Trích lập dự phòng bổ sung	74.340.000	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(152.320.000)
<b>Tại ngày 30 tháng 6</b>	<b>205.762.500</b>	<b>66.360.000</b>

**2.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/6/2015			01/01/2015		
	Giá gốc ngàn VNĐ	Giá trị hợp lý ngàn VNĐ	Dự phòng ngàn VNĐ	Giá gốc ngàn VNĐ	Giá trị hợp lý ngàn VNĐ	Dự phòng ngàn VNĐ
Đầu tư vào công ty liên kết	65.026.276	62.079.356	2.946.920	65.026.276	62.079.356	2.946.920
Đầu tư vào đơn vị khác	4.634.907	4.634.907	-	4.634.907	4.634.907	-
<b>Cộng</b>	<b>69.661.183</b>	<b>66.714.262</b>	<b>2.946.920</b>	<b>69.661.183</b>	<b>66.714.262</b>	<b>2.946.920</b>

**2.2.1. Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên Công ty liên kết	Giá trị đầu tư	
	30/6/2015 VNĐ	01/01/2015 VNĐ
Công ty TNHH SXKD Dịch vụ Sa Ga (a)	39.600.000.000	39.600.000.000
Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Hoa Kỳ (b)	14.992.000.000	14.992.000.000
Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Châu Âu (c)	10.434.276.051	10.434.276.051
<b>Cộng</b>	<b>65.026.276.051</b>	<b>65.026.276.051</b>

(a) Đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga với mục đích xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 32 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Q.1, Tp. HCM, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 410202611 ngày 22/12/2008, tỷ lệ vốn góp: 21,07% tương đương 43.560.000.000 đồng. Số vốn thực góp đến ngày 30/6/2015 là 39.600.000.000 đồng tương đương 19% vốn điều lệ (Tổng vốn điều lệ: 206.759.195.000 đồng).

(b) Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ (Incomfish US) tại Hoa Kỳ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000USD, số vốn thực góp đến ngày 30/6/2015 là 900.000.00 USD tương đương 14.992.000.000 đồng.

(c) Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Châu Âu (Incomfish EU) tại Vương Quốc Bỉ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000USD, số vốn thực góp đến ngày 30/6/2015 là 454,368.95 EUR tương đương 10.434.276.051 đồng.

**Tình hình hoạt động của các công ty liên kết:**

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

**Giao dịch với các công ty liên kết:**

Không phát sinh các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên kết cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**2.2.2. Đầu tư dài hạn khác**

Tên Công ty	Giá trị đầu tư	
	30/6/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
Công ty TNHH Thương mại Ve Ga	<b>4.634.906.773</b>	<b>4.634.906.773</b>

Khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH Thương mại Ve Ga theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305727544 ngày 23/5/2008 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 4 ngày 08/9/2011. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 4.634.907.000 đồng tương đương 5,38% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thương mại Ve Ga.

**2.2.3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn**

Tình hình biến động dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác như sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 01 tháng 01	2.946.920.487	2.946.920.487
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Tại ngày 30 tháng 6</b>	<b>2.946.920.487</b>	<b>2.946.920.487</b>

Các báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 của các công ty liên kết chưa được soát xét. Do vậy, Công ty không đủ cơ sở để xem xét trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng (nếu có) cho các khoản đầu tư dài hạn này.

**3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	30/6/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>14.673.253.100</b>	<b>34.740.514.589</b>
- Dragon Sourcing Group Limited	8.719.352.928	8.551.611.474
- KIM DISTRI	3.570.083.946	3.804.087.783
- KLAAS PUUL BV	1.495.741.500	-
- Golden Sea Corporation	767.821.230	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	120.253.496	22.384.815.332
<b>Phải thu khách hàng của bên liên quan</b>	<b>2.253.097.440</b>	<b>2.209.752.728</b>
- Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Hoa Kỳ	2.253.097.440	2.209.752.728
<b>Cộng</b>	<b>(*) 16.926.350.540</b>	<b>36.950.267.317</b>

(\*) Trong đó, bao gồm số dư các khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là 771,629.80 USD tương đương với 16.806.097.044 đồng.

**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/6/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
- Lê Ngọc Mẫn	3.989.129.050	3.989.129.050
- Công ty TNHH Minh Phương	3.539.860.000	3.539.860.000
- Các khoản trả trước cho người bán khác	448.029.200	248.469.200
<b>Cộng</b>	<b>7.977.018.250</b>	<b>7.777.458.250</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b><i>Phải thu khác ngắn hạn</i></b>				
Phải thu tiền cho mượn từ Công ty CP TM Thủy sản Á Châu	10.819.946.099	-	10.819.946.099	-
Phải thu khác từ Ông Đặng Văn Đoàn	1.112.400.000	-	1.112.400.000	-
Thuế GTGT đầu vào đang chờ hoàn lại	1.448.108.793	-	2.035.832.932	-
Phải thu người lao động	1.140.950.693	-	550.532.663	-
Phải thu khác	599.714.692	-	609.674.889	-
<b>Cộng</b>	<b>15.121.120.277</b>	<b>-</b>	<b>15.128.386.583</b>	<b>-</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	162.234.752.705	-	164.539.524.768	-
Công cụ dụng cụ	2.834.036.345	-	2.845.016.239	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	628.948.510	-	41.045.627	-
Thành phẩm	24.286.936.312	1.389.515.752	19.212.298.252	1.389.515.752
Hàng gửi bán	5.303.305.017	-	5.303.305.017	-
<b>Cộng</b>	<b>195.287.978.889</b>	<b>1.389.515.752</b>	<b>191.941.189.903</b>	<b>1.389.515.752</b>

Hàng tồn kho trong kho lạnh dùng thể chấp cho các khoản vay thuyết minh tại mục 15 đã được mua bảo hiểm thông qua hợp đồng bảo hiểm với Tổng Công ty Bảo hiểm bưu điện Tp. HCM (PTI-HCM) số 0002/HD/001-P7/PHH.TS.2.1/2015. Thời hạn bảo hiểm là 1 năm (từ ngày 13/01/2015 đến ngày 13/01/2016).

**Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:**

	Từ ngày	Từ ngày
	01/01/2015 đến	01/01/2014 đến
	30/6/2015	30/6/2014
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 01 tháng 01	1.389.515.752	840.208.972
Trích lập dự phòng bổ sung	-	549.306.780
<b>Tại ngày 30 tháng 6</b>	<b>1.389.515.752</b>	<b>1.389.515.752</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	43.718.683.540	67.327.961.844	5.882.816.012	1.781.265.779	118.710.727.175
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2015	43.718.683.540	67.327.961.844	5.882.816.012	1.781.265.779	118.710.727.175
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	22.380.456.544	58.113.939.487	4.643.599.650	1.734.169.224	86.872.164.905
Khấu hao trong kỳ	916.501.722	808.502.731	296.346.471	18.702.464	2.040.053.388
Tại ngày 30/6/2015	23.296.958.266	58.922.442.218	4.939.946.121	1.752.871.688	88.912.218.293
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2015	21.338.226.996	9.214.022.357	1.239.216.362	47.096.555	31.838.562.270
Tại ngày 30/6/2015	20.421.725.274	8.405.519.626	942.869.891	28.394.091	29.798.508.882

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 36.207.536.545 đồng.

Nhà xưởng và máy móc thiết bị đảm bảo thế chấp cho khoản vay thuyết minh tại mục 15 đã được mua bảo hiểm thông qua hợp đồng bảo hiểm với Công ty Bảo hiểm bưu điện Bình Dương (PTI-Bình Dương) số 0002/HD/001-P7/PHH.TS.2.1/2015. Thời hạn bảo hiểm là 1 năm (từ ngày 13/01/2015 đến ngày 13/01/2016).

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Nhãn hiệu hàng hóa VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	5.712.920.000	75.087.600	5.788.007.600
Mua trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/6/2015	5.712.920.000	75.087.600	5.788.007.600
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	3.426.578.086	75.087.600	3.501.665.686
Khấu hao trong kỳ	142.822.998	-	142.822.998
Tại ngày 30/6/2015	3.569.401.084	75.087.600	3.644.488.684
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2015	2.286.341.914	-	2.286.341.914
Tại ngày 30/6/2015	2.143.518.916	-	2.143.518.916

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 75.087.600 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***9. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	30/6/2015	01/01/2015
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Chi phí đầu tư vùng nuôi	17.359.233.814	18.301.710.007
- Trong đó, chi phí lãi vay được vốn hóa	371.322.018	1.313.798.211
Chi phí mua sắm tài sản cố định	138.000.000	138.000.000
<b>Cộng</b>	<u><u>17.497.233.814</u></u>	<u><u>18.439.710.007</u></u>

**Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 01 tháng 01	18.439.710.007	19.472.311.063
Tăng trong kỳ	417.523.807	606.273.918
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	-
Các khoản tăng (giảm) khác	(1.360.000.000)	(1.261.600.000)
<b>Tại ngày 30 tháng 6</b>	<u><u>17.497.233.814</u></u>	<u><u>18.816.984.981</u></u>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng là do chi phí lãi vay được vốn hóa, giảm là do hoàn nhập lãi vay.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/6/2015	01/01/2015
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	-	21.333.333
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	21.333.333
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<i>11.472.021.500</i>	<i>11.840.582.372</i>
Tiền thuê đất (*)	9.179.686.233	9.246.397.323
Chênh lệch tỷ giá chờ phân bổ	1.487.173.196	1.618.394.360
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	182.418.023	224.080.252
Chi phí trả trước dài hạn khác	622.744.048	751.710.437
<b>Cộng</b>	<u><u>11.472.021.500</u></u>	<u><u>11.861.915.705</u></u>

(\*) Trả trước tiền thuê đất dài hạn theo hợp đồng thuê lại đất số 424/HĐ-TLĐ-2000 ngày 27/9/2000 và Phụ lục số 1 ngày 25/5/2006 về việc thuê lại đất tại Lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I - Đường số 7 - Khu công nghiệp Vĩnh Lộc - Quận Bình Tân - Thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích thuê: 20.802 m<sup>2</sup>. Thời hạn thuê đất đến tháng 9/2049.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/6/2015	01/01/2015
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>18.295.446.280</b>	<b>28.202.057.665</b>
- Nichiyo Trading Co. Ltd.	2.154.804.070	990.772.951
- R and J Globle Investment Ltd.	2.748.531.458	13.865.852.320
- Viet Rose International Pte. Ltd.	7.862.235.545	-
- Công ty TNHH SX-TM-XNK Vương Quán	1.340.568.900	1.179.930.840
- Các khoản phải trả người bán khác	4.189.306.307	12.165.501.554
<b>Phải trả người bán của bên liên quan</b>	<b>1.158.370.275</b>	<b>1.124.108.850</b>
- Công ty CP TM Thủy sản Á Châu	1.158.370.275	1.124.108.850
<b>Cộng</b>	<b>19.453.816.555</b>	<b>29.326.166.515</b>

(\*) Trong đó, bao gồm số dư các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 626,929.32 USD tương đương với 13.692.136.349 đồng.

**Nợ quá hạn chưa thanh toán:**

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015		Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2015	
	Số phải thu	Số phải nộp			Số phải thu	Số phải nộp
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>			<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế GTGT đầu ra	-	-	98.067.636	98.067.636	-	-
Thuế thu nhập DN	-	52.725.031	10.640.200	98.769.771	35.404.540	-
Thuế thu nhập cá nhân	683.178	-	146.229.543	120.989.097	-	25.923.624
Thuế xuất, nhập khẩu	152.797.644	-	-	-	152.797.644	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>153.480.822</b>	<b>52.725.031</b>	<b>257.937.379</b>	<b>320.826.504</b>	<b>188.202.184</b>	<b>25.923.624</b>

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2015	01/01/2015
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí lãi vay phải trả	<b>600.000.000</b>	<b>1.416.750.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**14. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/6/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>	<b>2.980.032.002</b>	<b>4.073.961.080</b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	245.307.937	282.775.705
Kinh phí công đoàn	1.618.296.837	1.584.243.117
Tiền thâm niên giữ lại	885.568.075	1.630.335.571
Các khoản phải trả khác	230.859.153	576.606.687
<b>Phải trả khác dài hạn</b>	<b>26.755.092.342</b>	<b>26.475.092.342</b>
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	300.000.000	100.000.000
Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Xuân (*)	15.575.092.342	15.575.092.342
Phải trả cho ông Nguyễn Phát Quang (*)	9.800.000.000	9.800.000.000
Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Thu (*)	1.080.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>29.735.124.344</b>	<b>30.549.053.422</b>

(\*) Phải trả khác dài hạn cho các cá nhân là các khoản mượn vốn của các bên liên quan của Công ty, có thời hạn thanh toán trên 01 năm và không tính lãi suất.

**15. CÁC KHOẢN VAY**

	01/01/2015		Trong kỳ		30/6/2015
	Giá trị/Số có		Tăng		Giảm
	khả năng trả nợ		VNĐ		VNĐ
	VNĐ		VNĐ		VNĐ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>121.747.446.497</b>	<b>100.179.193.907</b>	<b>105.360.735.855</b>	<b>116.565.904.549</b>	<b>116.565.904.549</b>
- NH Ngoại thương (15.1)	99.636.201.566	82.691.029.875	74.823.715.429	107.503.516.012	107.503.516.012
- NH Xuất nhập khẩu (15.2)	13.015.333.132	8.533.745.732	13.362.690.326	8.186.388.538	8.186.388.538
- NH Nam Á	7.343.911.800	8.954.418.300	16.298.330.100	-	-
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>					
NH Xuất nhập khẩu (15.2)	1.752.000.000	-	876.000.000	876.000.000	876.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>12.366.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.366.000.000</b>	<b>12.366.000.000</b>
- NH Xuất nhập khẩu (15.2)	2.766.000.000	-	-	2.766.000.000	2.766.000.000
- Nguyễn T Kim Xuân (15.3)	4.600.000.000	-	-	4.600.000.000	4.600.000.000
- Nguyễn T Kim Thu (15.3)	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>134.113.446.497</b>	<b>100.179.193.907</b>	<b>105.360.735.855</b>	<b>128.931.904.549</b>	<b>128.931.904.549</b>

(15.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng tín dụng số 0116/KH/12NH ngày 26/4/2012; phụ lục hợp đồng số 03/TTD-0116/KH/12NH ngày 24/4/2015 với tổng hạn mức là 120 tỷ đồng; lãi suất vay theo từng thời điểm và cụ thể theo các giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay này là quyền sở hữu nhà xưởng tại Lô A74/I, A75/I, A76/I, A77/I, đường số 7, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh và máy móc thiết bị của Công ty với giá trị theo định giá là 28.561.000.000 đồng chi tiết theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0216/NHNT ngày 14/11/2012 và số 0463/NHNT ngày 31/12/2013. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2015 bao gồm 22.810.518.095 đồng và 3.877.884,52 USD.

(15.2) Vay từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam theo các Hợp đồng tín dụng sau:

- Vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-2014-00982 ngày 31/10/2014; thời hạn vay 12 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là đất và tài sản gắn liền với đất tại số 91 Hai Bà Trưng, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang với tổng trị giá 10,446 tỷ đồng theo Hợp đồng thế chấp số 273/EIB/SG-TD/BLTS/2012 ngày 30/6/2012. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2015 là 8.163.898.460 đồng.

- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-2012-01088 ngày 29/6/2012; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất vay theo từng lần giải ngân; mục đích vay: thanh toán tiền thuê ao nuôi theo Hợp đồng thuê đất số



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

010/0512/HĐKT/KD/ACF-ICF ngày 15/5/2012. Tài sản đảm bảo, thế chấp cho khoản vay này là đất và tài sản gắn liền với đất tại số 91 Hai Bà Trưng, khu phố 2, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang với tổng trị giá 10,446 tỷ đồng theo Hợp đồng thế chấp số 273/EIB/SG-TD/BLTS/2012 ngày 30/6/2012. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2015 là 3.642.000.000 đồng.

(15.3) Các khoản vay dài hạn từ các cá nhân có thời hạn vay từ 24 đến 36 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn	01/01/2015	30/6/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	876.000.000	1.752.000.000
Trong năm thứ hai	5.752.000.000	5.752.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	6.614.000.000	6.614.000.000
Sau năm năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.242.000.000</b>	<b>14.118.000.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(876.000.000)	(1.752.000.000)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>12.366.000.000</b>	<b>12.366.000.000</b>

**16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	01/01/2015	Tăng do trích từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	30/6/2015
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	4.339.483.188	-	91.187.679	4.248.295.509
Quỹ phúc lợi	2.145.991.599	-	186.970.405	1.959.021.194
<b>Cộng</b>	<b>6.485.474.787</b>	<b>-</b>	<b>278.158.084</b>	<b>6.207.316.703</b>

**17. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU****17.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	128.070.000.000	24.156.097.000	5.381.877.899	9.335.792.066	8.481.139.928	175.424.906.893
Góp vốn	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	4.805.306.546	4.805.306.546
Trích quỹ	-	-	323.403.401	1.513.105.102	(1.836.508.503)	-
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	(241.131.425)	(241.131.425)
Tại ngày 31/12/2014	<b>128.070.000.000</b>	<b>24.156.097.000</b>	<b>5.705.281.300</b>	<b>10.848.897.168</b>	<b>11.208.806.546</b>	<b>179.989.082.014</b>
Góp vốn	-	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	-	36.474.344	36.474.344
Trích quỹ	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Tăng/(giảm) khác	-	-	(5.705.281.300)	5.705.281.300	-	-
Tại ngày 30/6/2015	<b>128.070.000.000</b>	<b>24.156.097.000</b>	<b>-</b>	<b>16.554.178.468</b>	<b>11.245.280.890</b>	<b>180.025.556.358</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**17.2 Cổ phiếu**

	30/6/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	86.800.000	86.800.000
Số lượng cổ phần đã phát hành	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

**18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/6/2015	01/01/2015
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Tài sản nhận giữ hộ	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	1.693.591.140	-
5. Ngoại tệ các loại	USD 105.758,81	18.495,80
	EUR 496,46	501,92

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 VNĐ	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014 VNĐ
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	51.327.050.291	113.094.216.378
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.563.974.230	392.066.400
Doanh thu khác	88.666.500	-
	<b>52.979.691.021</b>	<b>113.486.282.778</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Giảm giá hàng bán	-	-
<b>Cộng doanh thu thuần</b>	<b>52.979.691.021</b>	<b>113.486.282.778</b>

**Chi tiết doanh thu như sau:**

	USD	VNĐ	Quy ra VNĐ
Doanh thu xuất khẩu	2.341.303,97	-	50.457.596.587
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1.563.974.230	1.563.974.230
Doanh thu bán hàng nội địa	-	869.453.704	869.453.704
Doanh thu khác	-	88.666.500	88.666.500
<b>Cộng</b>	<b>2.341.303,97</b>	<b>2.522.094.434</b>	<b>52.979.691.021</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 VNĐ	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014 VNĐ
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	39.960.064.906	90.454.477.670
Giá vốn cung cấp dịch vụ	121.074.850	370.611.570
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	549.306.780
<b>Cộng</b>	<b>40.081.139.756</b>	<b>91.374.396.020</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 VNĐ	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014 VNĐ
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	10.087.725	58.214.937
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	535.719.310	940.349.022
<b>Cộng</b>	<b>545.807.035</b>	<b>998.563.959</b>

**4. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 VNĐ	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014 VNĐ
Chi phí lãi vay ngân hàng	2.832.569.014	4.066.990.643
Hoàn nhập chi phí lãi vay cá nhân	(816.750.000)	-
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá đầu tư chứng khoán	74.340.000	(152.320.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.578.323.624	1.882.477.805
<b>Cộng</b>	<b>4.668.482.638</b>	<b>5.797.148.448</b>

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 VNĐ	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014 VNĐ
Chi phí nhân viên bán hàng	754.587.598	807.185.171
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	9.433.332
Chi phí xuất hàng	1.387.308.809	2.589.502.006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.000.000	421.841.557
Chi phí bằng tiền khác	251.931.349	905.330.198
<b>Cộng</b>	<b>2.402.827.756</b>	<b>4.733.292.264</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 VNĐ	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	4.406.985.295	5.087.124.948
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	71.287.756	136.996.407
Chi phí khấu hao TSCĐ	242.121.559	247.407.676
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	1.693.591.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	378.073.400	884.970.537
Chi phí bằng tiền khác	1.176.989.510	782.539.677
<b>Cộng</b>	<b>6.275.457.520</b>	<b>8.832.630.385</b>

**7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 VNĐ	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014 VNĐ
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>47.114.544</b>	<b>3.746.928.913</b>
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>47.114.544</b>	<b>3.746.928.913</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>10.640.200</b>	<b>824.324.361</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	(412.162.181)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>10.640.200</b>	<b>412.162.181</b>

**8. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 VNĐ	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014 VNĐ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	36.474.344	3.334.766.732
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông.	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông.	36.474.344	3.334.766.732
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.807.000	12.807.000
<b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần</b>	<b>3</b>	<b>260</b>

**VI. THÔNG TIN KHÁC****1. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh và bộ phận khu vực địa lý.

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:** Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**Bộ phận theo khu vực địa lý:** Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản, toàn bộ doanh thu phát sinh trong kỳ của Công ty đều phát sinh từ hoạt động này, bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, Công ty không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 2. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số III.18

### Giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.590.594.622	336.190.847
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.741.061.957	52.078.653.900
Đầu tư ngắn hạn	325.237.500	399.577.500
Đầu tư dài hạn	66.714.262.337	66.714.262.337
<b>Tổng cộng</b>	<b>103.371.156.416</b>	<b>119.528.684.584</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	128.931.904.549	134.113.446.497
Phải trả người bán và phải trả khác	49.188.940.899	59.875.219.937
Chi phí phải trả	600.000.000	1.416.750.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>178.720.845.448</b>	<b>195.405.416.434</b>

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính "Thông tư 210". Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

### Quản lý rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi biến động về tỷ giá. Loại tiền tệ gây ra rủi ro là USD và EUR. Công ty đảm bảo rằng việc chịu rủi ro này sẽ được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá hối đoái thông qua các biện pháp: dự báo tỷ giá hối đoái trong tương lai, duy trì dư nợ ngoại tệ ở mức thấp...

Giá trị ghi sổ của các tài sản và công nợ phải trả có gốc USD và EUR như sau:

Tài sản	(USD)		(EUR)	
	30/6/2015	01/01/2015	30/6/2015	01/01/2015
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.758,81	18.495,80	496,46	501,92
Phải trả người bán, phải trả khác	830.861,00	1.687.633,46	-	-
<b>Cộng</b>	<b>936.619,81</b>	<b>1.706.129,26</b>	<b>496,46</b>	<b>501,92</b>

  

Công nợ phải trả	(USD)		(EUR)	
	30/6/2015	01/01/2015	30/6/2015	01/01/2015
Các khoản vay	4.252.719,16	4.946.466,61	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	626.929,32	745.782,12	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.879.648,48</b>	<b>5.692.248,73</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

### Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

### Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi theo giá thị trường này thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Để quản lý rủi ro, Công ty tiến hành cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng giảm thiểu rủi ro ở mức chấp nhận được.

### Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### - Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.

#### - Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính**Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữ nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phát sinh và tài sản tài chính phi phát sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Tổng
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tại 30/6/2015</b>			
Các khoản vay	116.565.904.549	12.366.000.000	128.931.904.549
Phải trả người bán và phải trả khác	22.433.848.557	26.755.092.342	49.188.940.899
Chi phí phải trả	600.000.000	-	600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>139.599.753.106</b>	<b>39.121.092.342</b>	<b>178.720.845.448</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>			
Các khoản vay	121.747.446.497	12.366.000.000	134.113.446.497
Phải trả người bán và phải trả khác	33.400.127.595	26.475.092.342	59.875.219.937
Chi phí phải trả	1.416.750.000	-	1.416.750.000
<b>Cộng</b>	<b>156.564.324.092</b>	<b>38.841.092.342</b>	<b>195.405.416.434</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tại 30/6/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.590.594.622	-	2.590.594.622
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.047.470.817	-	32.047.470.817
Đầu tư ngắn và dài hạn	325.237.500	66.714.262.337	67.039.499.837
<b>Cộng</b>	<b>34.963.302.939</b>	<b>66.714.262.337</b>	<b>101.677.565.276</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	336.190.847	-	336.190.847
Phải thu khách hàng và phải thu khác	50.385.062.760	-	50.385.062.760
Đầu tư ngắn và dài hạn	399.577.500	66.714.262.337	67.113.839.837
<b>Cộng</b>	<b>51.120.831.107</b>	<b>66.714.262.337</b>	<b>117.835.093.444</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất, và các khoản phải thu (thuyết minh tại Mục số 15 - Phần IV - Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 là toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân đi vay và tổ chức đi vay tại thời điểm trước và sau khi nhận nợ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

	Giá trị sổ sách	Tăng (giảm)	Giá trị hợp lý	Dự phòng giảm giá
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>				
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>531.000.000</b>	<b>(205.762.500)</b>	<b>325.237.500</b>	<b>(205.762.500)</b>
- Chứng khoán vốn	531.000.000	(205.762.500)	325.237.500	(205.762.500)
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>69.661.182.824</b>	<b>(2.946.920.487)</b>	<b>66.714.262.337</b>	<b>(2.946.920.487)</b>
- Công ty liên kết	65.026.276.051	(2.946.920.487)	62.079.355.564	(2.946.920.487)
- Đầu tư dài hạn khác	4.634.906.773	-	4.634.906.773	-
<b>Cộng</b>	<b>70.192.182.824</b>	<b>(3.152.682.987)</b>	<b>67.039.499.837</b>	<b>(3.152.682.987)</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>531.000.000</b>	<b>(131.422.500)</b>	<b>399.577.500</b>	<b>(131.422.500)</b>
- Chứng khoán vốn	531.000.000	(131.422.500)	399.577.500	(131.422.500)
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>69.661.182.824</b>	<b>(2.946.920.487)</b>	<b>66.714.262.337</b>	<b>(2.946.920.487)</b>
- Công ty liên kết	65.026.276.051	(2.946.920.487)	62.079.355.564	(2.946.920.487)
- Đầu tư dài hạn khác	4.634.906.773	-	4.634.906.773	-
<b>Cộng</b>	<b>70.192.182.824</b>	<b>(3.078.342.987)</b>	<b>67.113.839.837</b>	<b>(3.078.342.987)</b>

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng khi kết thúc năm tài chính tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (30/6/2015).

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc của khoản đầu tư và các khoản điều chỉnh khác.

**3. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 VNĐ	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	102.932.519.478	180.016.484.414
Chi phí nhân công	10.641.160.840	14.531.591.135
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.182.876.386	4.290.930.755
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.453.959.399	8.465.581.886
Chi phí khác	1.849.439.480	1.866.562.387
<b>Cộng</b>	<b>122.059.955.583</b>	<b>209.171.150.577</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**4. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty không phát sinh các nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu/phải trả đối với các bên liên quan như sau:

		30/6/2015	01/01/2015
		VND	VND
<b>Nợ phải thu</b>			
Incomfish US	USD	103.448,00	103.448,00
Incomfish US	VND	353.703.000	353.703.000
Công ty Cổ phần TM Thủy sản Á Châu	VND	10.819.946.099	10.819.946.099
<b>Nợ phải trả</b>			
Công ty Cổ phần TM Thủy sản Á Châu	VND	1.158.370.275	1.124.108.850
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	VND	20.175.092.342	20.175.092.342
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	VND	6.080.000.000	6.000.000.000
Ông Nguyễn Phát Quang	VND	9.800.000.000	9.800.000.000

**5. DỮ LIỆU SO SÁNH**

Như đã trình bày tại thuyết minh số II.3, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Một số số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm trước do áp dụng Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Các quy định có thay đổi ảnh hưởng đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty như sau:

- Tỷ giá áp dụng để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ.

**6. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



**LẠI TUYẾT THANH**  
Người lập  
Ngày 14 tháng 8 năm 2015



**LẠI TUYẾT THANH**  
Kế toán trưởng



**TRỊNH BÁ HOÀNG**  
Tổng Giám đốc